

Số: 458/QĐ-ĐHVTT

Hậu Giang, ngày 22 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học**  
**tại Trường Đại học Võ Trường Toản**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĨ TRƯỜNG TOẢN**

*Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Võ Trường Toản;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;*

*Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Võ Trường Toản;*

*Căn cứ Bản tổng hợp lấy ý kiến các bên liên quan và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Võ Trường Toản;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ học kỳ I, năm học 2021 – 2022, áp dụng đối với các khóa tuyển sinh sau ngày 03 tháng 5 năm 2021.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Trưởng các Khoa đào tạo, Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử VTTU;
- Lưu: VT, ĐT&CTSV.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Dương Đăng Khoa**

## **QUY CHẾ**

**Đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Võ Trường Toản**  
*(Kèm theo Quyết định số 458/QĐ-ĐHVTT ngày 22 tháng 9 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, bao gồm: Chương trình đào tạo, thời gian học tập, hình thức và phương thức tổ chức đào tạo, lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp, những quy định khác đối với sinh viên.

2. Quy chế này áp dụng đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia quản lý, giảng dạy, phục vụ, hỗ trợ trong đào tạo; các sinh viên trình độ đại học thuộc các khóa tuyển sinh sau ngày 03 tháng 5 năm 2021 tại Trường Đại học Võ Trường Toản; các đơn vị liên kết đào tạo, hợp tác đào tạo trình độ đại học với Nhà trường.

##### **Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập**

1. Chương trình đào tạo (CTĐT) được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các học phần, trong đó có đủ các học phần bắt buộc, đáp ứng chuẩn CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa để định hướng cho sinh viên.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của CTĐT áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và các sinh viên. Đối với sinh viên đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong CTĐT trước được quy định tại Điều 11 Quy chế này.

3. CTĐT được công khai tại trang thông tin điện tử của Nhà trường để sinh viên và các bên liên quan được biết; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến CTĐT được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng.

4. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa tương ứng hình thức và phương thức đào tạo (*kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là kế hoạch học tập các học phần trong CTĐT được bố trí theo học kỳ trong thời gian đào tạo chuẩn do Nhà trường ban hành vào*

*đầu khóa học*). Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

### **Điều 3. Tổ chức đào tạo theo phương thức tín chỉ**

Nhà trường áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ thống nhất cho tất cả các hình thức đào tạo, cụ thể:

1. Tổ chức đào tạo theo từng nhóm học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện CTĐT theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Nhà trường, phù hợp điều kiện về học phần tiên quyết (*là học phần sinh viên phải có tích lũy loại đạt hoặc có điểm R mới thỏa điều kiện để tham gia học tập học phần sau*), học phần học trước (*là học phần sinh viên phải tham gia học tập trước mới thỏa điều kiện để tham gia học tập học phần sau*). Khối lượng học tập của CTĐT, của mỗi học phần trong CTĐT được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 tiết học tập định mức của sinh viên (*bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá*);

b) Đối với hoạt động dạy học, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 tiết giảng lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận hoặc 45 tiết thực tập tại cơ sở, làm chuyên đề, tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp (*trong đó một tiết được tính bằng 50 phút*).

2. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc (*là học phần sinh viên phải tích lũy*) sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong CTĐT (*nếu có quy định học phần tương đương*), hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

3. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn (*là học phần sinh viên tự lựa chọn để tích lũy*) sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong CTĐT.

### **Điều 4. Hình thức đào tạo**

#### **1. Đào tạo chính quy**

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường; riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của CTĐT được thực hiện theo quy định của Nhà trường.

## 2. Đào tạo vừa làm vừa học

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định liên kết đào tạo tại Điều 5 Quy chế đào tạo trình độ đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường (*hoặc ngoài cơ sở phối hợp đào tạo*);

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

3. Đối với các ngành đào tạo ưu tiên phục vụ nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, Nhà trường thực hiện các hình thức đào tạo phù hợp theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## Chương II

### LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

#### Điều 5. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết hóa việc tổ chức thực hiện các CTĐT theo năm học, học kỳ, phù hợp với hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo.

2. Kế hoạch năm học (*hoặc học kỳ*) thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học (*hoặc học kỳ*) cho tất cả hình thức, CTĐT, được công bố trước khi bắt đầu năm học (*hoặc học kỳ*). Một năm học có 02 học kỳ chính. Một học kỳ chính gồm tối thiểu 15 tuần học, 3 tuần thi, 1 tuần dự trữ, 1 tuần xử lý kết quả. Ngoài các học kỳ chính, Nhà trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ. Học kỳ phụ có 8 tuần; trong đó gồm 6 tuần học, 2 tuần thi và xử lý kết quả. Không bắt buộc sinh viên đăng ký học kỳ phụ.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở nhóm học, hình thức dạy và học (*trực tiếp hoặc trực tuyến*), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khóa học, CTĐT và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ được công bố trước khi bắt đầu học kỳ với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên đăng ký theo kế hoạch học tập đã xây dựng.

4. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng nhóm học, hình thức và CTĐT. Thời khóa biểu của các nhóm học phân bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

#### Điều 6. Tổ chức đăng ký học tập

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên hướng dẫn cho sinh viên đăng ký học tập trên hệ thống quản lý học tập trực tuyến của Nhà

trường (*sau đây gọi là công 4T*). Riêng đối với các học phần trải nghiệm thực tế, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, sinh viên đăng ký theo thông báo của Khoa đào tạo hoặc Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

2. Căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần, sinh viên đăng ký nhóm học của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: những học phần mới (*theo kế hoạch học tập*), một số học phần chưa đạt (*để học lại*) và một số học phần đã đạt (*để cải thiện điểm, nếu có*).

3. Khối lượng học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ nằm trong khung giới hạn như sau:

a) Đối với học kỳ chính, khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn, khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

b) Đối với học kỳ phụ, khối lượng tối đa 10 tín chỉ/học kỳ.

4. Kết quả đăng ký học tập của sinh viên do Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên quản lý và lưu trữ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu của ngành giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Sinh viên thực hiện thủ tục đăng ký học phần, xóa và mở thêm nhóm học phần được quy định tại Quy trình đăng ký học phần, xóa và mở thêm nhóm học phần của Trường Đại học Võ Trường Toản (*số hiệu quy trình QT06/ĐT*).

### **Điều 7. Tổ chức giảng dạy và học tập**

1. Việc phân công giảng viên (*bao gồm mời và bố trí giảng viên hợp tác*) cho các nhóm học, giảng viên giảng dạy, giảng viên hướng dẫn sinh viên làm thí nghiệm, thực hành, thực tập, chuyên đề, tiểu luận, đồ án, khóa luận và thực hiện các hoạt động học tập khác do các khoa (*hoặc các trung tâm đào tạo*) đề xuất, được Ban Giám hiệu Nhà trường phê duyệt trước khi thực hiện.

2. Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các nhóm học và việc công khai ý kiến phản hồi của sinh viên (*bao gồm nội dung, mức độ, hình thức công khai*) được Phòng Quản lý chất lượng chủ trì thực hiện định kỳ và thường xuyên.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn sinh viên, trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự các lớp học, tham gia thí nghiệm, thực hành hoặc khi được giao thực tập, đồ án, khóa luận và các hoạt động học tập khác được quy định cụ thể tại đề cương chi tiết học phần. Trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Võ Trường Toản và Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Võ Trường Toản.

#### 4. Dạy và học trực tuyến

a) Nhà trường tổ chức các lớp học theo phương thức trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học phương thức trực tiếp;

b) Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của CTĐT được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Nhà trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### Chương III

#### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

##### Điều 8. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

2. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá chuyên đề chuyên ngành, đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và sinh viên;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

3. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

4. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: Từ 8,5 đến 10,0;

B: Từ 7,0 đến 8,4;

C: Từ 5,5 đến 6,9;

D: Từ 4,0 đến 5,4.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: Từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: Dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

đ) Một số trường hợp có sử dụng ký hiệu (\*) trong phần ghi chú kèm theo điểm chữ áp dụng cho các học phần mà sinh viên đã tích lũy ở một ngành đào tạo hoặc một CTĐT khác, một khóa học khác cùng trình độ đại học tại Trường Đại học Võ Trường Toản hoặc tại một cơ sở đào tạo khác được Trường Đại học Võ Trường Toản công nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy chế này để tính điểm trung bình tích lũy và xét tốt nghiệp.

### 5. Học lại, thi và học cải thiện điểm

a) Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần. Đối với học phần học cải thiện điểm, sinh viên được phép đăng ký thi lại điểm thi kết thúc học phần để cải thiện điểm từ không đạt thành đạt; trong trường hợp này, điểm học phần sau khi thi lại chỉ được giới hạn tối đa ở mức điểm C. Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 của Quy chế này.

b) Sinh viên đã có điểm học phần đạt ở phân mức D, C, B được quyền đăng ký học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong CTĐT (nếu có quy định học phần tương đương) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy, không giới hạn số lần đăng ký học cải thiện. Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần. Việc đăng ký học cải thiện không áp dụng cho các trường hợp sinh viên đã

được công nhận tốt nghiệp hoặc đã hết thời gian học tập theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Quy chế này.

6. Việc tổ chức thi, kiểm tra (*bao gồm quy định về thời gian ôn thi và thời gian thi, việc làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo, bảo quản bài thi, việc hoãn thi, miễn thi*); công tác tổ chức đánh giá quá trình học tập, trải nghiệm của sinh viên (*bao gồm cả các hoạt động thí nghiệm, thực hành, làm bài tập, trình bày báo cáo như một thành phần của học phần*); công tác tổ chức đánh giá các học phần, chuyên đề, tiểu luận, đồ án, khóa luận, thực hành thực tập và các học phần đặc thù khác được quy định tại Quy chế tổ chức kiểm tra và đánh giá học phần dành cho giảng viên, nhân viên Trường Đại học Võ Trường Toản, tại Quy chế tổ chức kiểm tra và đánh giá học phần áp dụng cho sinh viên được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thuộc Trường Đại học Võ Trường Toản và tại các quy định khác có liên quan (*nếu có*).

### **Điều 9. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học**

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của CTĐT mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (*số tín chỉ tích lũy*), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (*điểm trung bình học kỳ*), trong một năm học (*điểm trung bình năm học*) hoặc tính từ đầu khóa học (*điểm trung bình tích lũy*), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như sau:

A quy đổi thành 4;

B quy đổi thành 3;

C quy đổi thành 2;

D quy đổi thành 1;

F quy đổi thành 0.

3. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của CTĐT không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.



4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau (*theo thang điểm 4*):

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

5. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (*gọi tắt là N*) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (*gọi tắt là M*), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất:  $N < M$ ;

b) Trình độ năm thứ hai:  $M \leq N < 2M$ ;

c) Trình độ năm thứ ba:  $2M \leq N < 3M$ ;

d) Trình độ năm thứ tư:  $3M \leq N < 4M$ ;

đ) Trình độ năm thứ năm:  $4M \leq N < 5M$ .

#### **Điều 10. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ và xử lý vi phạm đối với sinh viên**

##### 1. Cảnh báo học tập

Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập nếu rơi vào một trong các trường hợp như sau:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng kí học trong học kỳ;

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo.

##### 2. Buộc thôi học

Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a) Số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 2 học kỳ liên tiếp, liền kề nhau.

b) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này.

c) Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

d) Sinh viên sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ.

### 3. Xử lý vi phạm khác

a) Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

b) Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất.

4. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên thực hiện thủ tục cảnh báo học tập và buộc thôi học được quy định tại Quy trình cảnh báo học tập và buộc thôi học của Trường Đại học Võ Trường Toản (*số hiệu quy trình QT01/ĐT*). Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên thông báo kết quả học tập cho sinh viên trên cổng 4T (*bao gồm thông báo cảnh báo học tập, đình chỉ học tập, buộc thôi học*), thông báo về gia đình các trường hợp sinh viên bị cảnh báo học tập, đình chỉ học tập, buộc thôi học. Những trường hợp sinh viên có nội dung hoặc mức độ vi phạm nghiêm trọng bị buộc thôi học, Hiệu trưởng xem xét, quyết định việc gửi thông báo cho địa phương hoặc các cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. Sinh viên được bảo lưu kết quả học tập đã tích lũy trong trường hợp bị buộc thôi học.

### **Điều 11. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ**

1. Kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một CTĐT khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong CTĐT theo học.

2. Hội đồng chuyên môn của Nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo quy định của Nhà trường và không trái với các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Điều 12. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp**

1. Số đợt xét tốt nghiệp và thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tốt nghiệp trong năm:

a) Đợt 1: Từ ngày 02/01 đến hết ngày 15/01

b) Đợt 2: Từ ngày 01/03 đến hết ngày 15/03

c) Đợt 3: Từ ngày 01/06 đến hết ngày 15/06

d) Đợt 4: Từ ngày 01/09 đến hết ngày 15/09

đ) Và các đợt bổ sung (*nếu có*) do Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên đề xuất được Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt.

2. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp theo Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp của Trường Đại học Võ Trường Toản (*số hiệu quy trình QT02/ĐT*) khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

3. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường.

4. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa được quy định tại khoản 4 Điều 9 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

5. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi hết thời gian học tập tối đa theo quy định được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp. Sinh viên không tốt nghiệp được bảo lưu, công nhận kết quả học tập đã tích lũy, được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong CTĐT tại Trường.

6. Sinh viên hết thời gian học chính quy được chuyển qua học hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa tương ứng (*nếu có*) của Nhà trường nếu còn trong thời gian học tập theo quy định đối với hình thức đào tạo chuyển qua.

## Chương IV

### NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

#### **Điều 13. Nghỉ học tạm thời, thôi học**

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ tại Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này.

3. Sinh viên được xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

4. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân được bảo lưu và công nhận kết quả học tập đã tích lũy trong CTĐT tại Trường.

5. Điều kiện, thẩm quyền, thủ tục xét nghỉ học tạm thời, tiếp nhận trở lại học và cho thôi học được quy định tại Quy trình xét nghỉ học tạm thời, tiếp nhận trở lại học và cho thôi học của Trường Đại học Võ Trường Toản (*số hiệu quy trình QT03/ĐT*).

#### **Điều 14. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học**

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này;
- b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo của Nhà trường trong cùng khóa tuyển sinh;
- c) Nhà trường có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo sinh viên dự kiến chuyển sang theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo và của Hiệu trưởng Nhà trường.

2. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa tương ứng (*nếu có*) của Nhà trường nếu còn trong thời gian học tập theo quy định đối với hình thức đào tạo chuyển qua.

4. Việc công nhận kết quả học tập hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy cho sinh viên thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này và các trường hợp từ cơ sở đào tạo khác chuyển đến có quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

5. Quy trình, thủ tục, điều kiện, thẩm quyền xét chuyển chương trình, ngành đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo hoặc chuyển hình thức đào tạo được quy định tại Quy trình xét chuyển chương trình, ngành đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo hoặc chuyển hình thức đào tạo của Trường Đại học Võ Trường Toản (*số hiệu quy trình QT04/ĐT*).

### **Điều 15. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo**

1. Trong hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và các cơ sở đào tạo khác (*trong nước hoặc ngoài nước*), nếu được Hiệu trưởng của hai cơ sở đào tạo đồng ý, sinh viên có thể đăng ký học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác theo Quy định hiện hành của Nhà trường về điều kiện trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên khi thực hiện CTĐT.

2. Số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác (*nếu có*) theo quy định tại khoản 1 Điều này không vượt quá 25% tổng khối lượng của CTĐT.

### **Điều 16. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Đối với phương thức đào tạo theo tín chỉ, sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi có sự đồng ý của Hiệu

trưởng Nhà trường theo Quy trình đăng ký học chương trình thứ hai của Trường Đại học Võ Trường Toản (*số hiệu quy trình QT05/ĐT*). Sinh viên học chương trình thứ hai chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau và các điều kiện khác của Nhà trường:

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

c) Các điều kiện khác (*nếu có*) của Nhà trường sẽ được quy định cụ thể và thông báo cho sinh viên trước khi tổ chức tiếp nhận đăng ký học chương trình thứ hai.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai theo quy định tại Điều 12 Quy chế này, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

### **Điều 17. Học liên thông đối với người có văn bằng khác**

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và quy chế của Nhà trường.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác, khi Nhà trường đã áp dụng thống nhất phương thức đào tạo theo tín chỉ và đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khóa theo ngành đào tạo và hình thức đào tạo mà người học lựa chọn.

3. Người học liên thông thực hiện CTĐT và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển

đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

4. Điều kiện, thủ tục tiếp nhận người học liên thông thực hiện theo quy định tại đề án tuyển sinh và quy định của Nhà trường trong năm tuyển sinh, phù hợp với quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 18. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin**

Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy chế đào tạo trình độ đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 19. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ Quy chế này và các quy định hiện hành khác có liên quan, Nhà trường tiếp tục xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy chế, quy định khác có liên quan trên cơ sở tham mưu của các đơn vị chức năng trực thuộc Nhà trường và tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

2. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho sinh viên Quy chế đào tạo trình độ đại học của Nhà trường và các quy định, nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến quá trình học tập của sinh viên ngay đầu khóa học.

3. Phòng Quản lý chất lượng tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế đào tạo của Nhà trường và các nhiệm vụ khác liên quan đến đào tạo.

4. Quy chế này được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp theo từng giai đoạn phát triển của Trường Đại học Võ Trường Toản và những thay đổi trong quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tất cả các trường hợp phát sinh khác liên quan đến công tác tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, bao gồm: CTĐT, thời gian học tập, hình thức và phương thức tổ chức đào tạo, lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp, những quy định khác liên quan đến quy chế đào tạo trình độ đại học sẽ do Hiệu trưởng quyết định./.